

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 54/2020/DS-ST
Ngày: 14 – 9 – 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC
- *Thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hoài
2. Ông Nguyễn Việt Thành

-*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

-*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Chị Nhơn Mai T, sinh năm 1983

Địa chỉ: KP.1, TT. T, huyện C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 6, KP.3, TT. T, huyện C, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm 1963

Địa chỉ: KP.3, TT. T, huyện C, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng: Bà Cao Thị Kim L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 2, KP.6, TTT, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2020 của nguyên đơn anh Trần Văn L, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của anh L là chị Nhơn Mai T trình bày:

Vào ngày 23/02/2020 bà Nguyễn Thị P có vay của anh L số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Bà P cam kết sẽ trả số tiền trên vào ngày 23/3/2020. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ anh L đã liên hệ yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P vẫn không trả tiền cho anh L. Do đó, anh L khởi kiện yêu cầu bà P có trách nhiệm trả cho anh L số tiền gốc đã vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và trả tiền lãi suất tạm tính từ ngày 23/02/2020 cho đến ngày 23/4/2020 với mức lãi suất 1%/tháng, tương ứng với số tiền lãi 3.000.000 đồng. Đồng thời anh L yêu cầu tiếp tục tính lãi suất đến ngày giải quyết xong vụ án.

Ngày 11/9/2020 anh L có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh L yêu cầu bà P trả lãi suất trong hạn từ ngày 23/02/2020 cho đến ngày 23/3/2020 với mức lãi suất 0,833%/tháng, lãi suất quá hạn tính từ ngày 23/3/2020 đến khi vụ án được giải quyết xong với mức lãi suất là 1%/tháng, không yêu cầu tính lãi phạt.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nộp các chứng cứ tài liệu gồm: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 23/02/2020 (gốc); Hợp đồng đặt cọc đề ngày 29/10/2019 (photo)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P chỉ vay của anh L số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 25/01/2009, lãi suất thỏa thuận 9.000.000 đồng/tháng. Bà P đóng lãi cho anh L được 01 tháng. Khoảng 3 tháng sau bà P không đóng lãi nên bà và anh L thống nhất số tiền nợ là 136.000.000 đồng và bà P mượn thêm của anh L 14.000.000 đồng nữa nên ký giấy nợ số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký giấy nợ anh L không giao số tiền 14.000.000 đồng cho bà P mặc dù bà nhiều lần liên hệ để nhận tiền.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh L bà P chỉ đồng ý trả cho anh L số tiền 100.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà P không cung cấp tài liệu chứng cứ

Tại bản tự khai ngày 28/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày

Ông H là chồng của bà Nguyễn Thị P. Đối với số tiền 150.000.000 đồng mà anh Trần Văn L khởi kiện bà P cho rằng bà P đã vay của anh L thì ông H không biết và không liên quan gì.

Đối với việc nguyên đơn anh L cho rằng bà P vay số tiền 150.000.000 đồng này để đáo hạn Ngân hàng thì ông H không thống nhất vì vợ chồng ông H có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A – Phòng giao dịch C số tiền 1.500.000.000 đồng và ông H đã đáo hạn cách đây khoảng 02 tháng, hiện nay khoản nợ này vẫn còn. Nguồn tiền để đáo hạn là tiền dành dụm và tiền xoay sở thêm từ người thân chứ không phải vay của anh L. Bà P vay tiền của anh L vào đầu năm 2020 thì khoản nợ của ông H được đáo hạn cách đây khoản 2 tháng và số tiền vay của ông H là 1.500.000.000 đồng mà khoản vay của anh L chỉ có 150.000.000 đồng thì nguyên đơn cho rằng để đáo hạn Ngân hàng là không phù hợp. Ngoài khoản vay này vợ chồng ông H không còn khoản vay nào ở Ngân hàng nữa (kể cả ngân hàng khác).

Đồng thời, theo ông H tìm hiểu thì bà Cao Thị Kim L là người làm chứng của sự việc thì bà L cho biết bà P chỉ vay có 100.000.000 đồng chứ không phải là 150.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh L thì ông H không đồng ý trả nợ cùng bà P. Chuyện nợ nần giữa bà P và anh L thì hai người tự giải quyết, ông H không liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp chứng cứ tài liệu

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 69, 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS năm 2015.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND tối cao tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh Trần Văn L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định; Về án phí buộc bị đơn chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS

{2} Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nhơn Mai T, bị đơn bà Nguyễn Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H vắng mặt do có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

{3} Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu.

{4} Về nội dung:

{4.1} Về số tiền nợ gốc: Phía nguyên đơn yêu cầu bà P phải trả số tiền đã vay vào ngày 23/02/2020 là 150.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 23/02/2020 thể hiện nội dung bà P có vay của anh L số tiền là 150.000.000 đồng. Bên dưới giấy biên nhận mượn tiền mặt có chữ ký ghi rõ họ tên của bà P vào chỗ người vay và có ký tên người làm chứng là bà Cao Thị Kim L. Phía bị đơn bà P chỉ thừa nhận có vay của anh L số tiền 100.000.000 đồng, số tiền 150.000.000 đồng ghi trên hợp đồng vay tiền là do các bên có thỏa thuận lãi suất 9.000.000 đồng/tháng, bà P đã đóng lãi cho anh L được 01 tháng, khoảng 3 tháng sau bà P không đóng lãi nên bà P và anh L thống nhất số tiền nợ là 136.000.000 đồng và bà P mượn thêm của anh L 14.000.000 đồng nữa nên ký giấy nợ số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền 14.000.000 đồng anh L chưa giao cho bà nên bà P chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, người làm chứng bà Cao Thị Kim L cũng xác định số tiền mà bà P đã vay của anh L là 150.000.000 đồng chứ không phải là 100.000.000 đồng. Đồng thời, hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 23/02/2020 bà P cũng thừa nhận chữ ký tại phần người mượn là của bà P và số tiền vay là 150.000.000 đồng cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Cao Thị Kim L. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tiền mà bà P đã vay của anh L là 150.000.000 đồng chứ không phải là 100.000.000 đồng như bà P trình bày. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh Trần Văn L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

{4.2} Về lãi suất: Căn cứ vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 23/02/2020 thể hiện bà P phải trả số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 23/3/2020. Về lãi suất trên hợp đồng vay tiền ghi “*Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay*” mà không ghi mức lãi suất cụ thể. Bà P cho rằng mức lãi suất là 9.000.000 đồng/tháng nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Nguyên đơn cho rằng các bên có thỏa thuận nhưng không thỏa thuận mức cụ thể do đó Hội đồng xét xử xác định lãi suất trong vụ việc này thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do bà P chưa trả lãi nên bà P phải chịu số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với những khoản tiền mà bà P chưa thanh toán cho anh L theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của anh L là có căn cứ được chấp nhận và được tính như sau:

- Lãi trong hạn: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 01 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 23/02/2020 đến ngày 23/3/2020) = 1.249.500 đồng

- Lãi quá hạn: 150.000.000 đồng x 1 % x 5 tháng 22 ngày (tính từ ngày 23/03/2020 đến ngày 14/9/2020) = 8.600.000 đồng

Tổng số tiền lãi là: 9.849.500 đồng

Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc yêu cầu chồng bà P là ông Lê Văn H phải liên đới cùng bà P trả số nợ nêu với lý do theo bà P vay số tiền này nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng tức sử dụng nhằm mục đích chung của vợ chồng. Xét thấy trên hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng nhưng ông H không thừa nhận việc này, bà P cũng xác định số bà sử dụng vào mục đích cá nhân. Căn cứ vào văn bản số trả lời ngày 30/7/2020 của Ngân hàng TMCP A thể hiện hiện nay bà P và ông H có vay số tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 26/5/2020 ngày hết hạn là 26/5/2021 nên khoản nợ mà bà P vay của anh L vào ngày 23/02/2020 để đáo hạn ngân hàng là không phù hợp. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bà P vay số tiền 150.000.000 đồng là dùng vào mục đích cá nhân không phải dùng vào mục đích chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Văn H phải liên đới cùng bà P trả nợ của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 9.849.500 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền mà yêu cầu của anh L được Tòa án chấp nhận cụ thể (150.000.000 đồng + 9.849.500 đồng) x 5% = 7.992.475 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND tối cao

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh Trần Văn L số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và 9.849.500 đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.992.475 đồng. Anh Trần Văn L không phải chịu. Anh Trần Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 3.825.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004179 ngày 06/5/2020 .

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh